

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/DS-ST  
Ngày 18-11-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Phạm Thị Bám

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Trọng Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 836/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bình C; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 18/2024/GUQ-CNHP ngày 16/4/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công B; nơi cư trú: Đường N, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 29/8/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/02/2023, ông Nguyễn Công B có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Công B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-1870 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất tại thời điểm mở thẻ 2,48%/tháng (29,8%/năm), tại thời điểm quá hạn là 2,48%/tháng áp dụng theo biểu phí đối với thẻ tín dụng quốc tế hạng cao cấp. Thời hạn thanh toán được thực hiện là ông Nguyễn Công B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn ghi trên thông báo Giao dịch. Ngày chốt thông báo giao dịch thẻ tín dụng của ông Nguyễn Công B vào ngày 05 hàng tháng, ngày đến hạn thanh toán của thẻ tín dụng của ông Nguyễn Công B là ngày 30 hàng tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Công B đã sử dụng tổng số tiền là 62.550.392 đồng, thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 33.062.910 đồng. Với số tiền thanh toán là 33.062.910 đồng theo điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi; giao dịch rút tiền mặt; giao dịch mua hàng hóa. Như vậy được trừ thanh toán cụ thể như sau: Lãi trong hạn: 5.695.737 đồng; phí: 3.176.761 đồng; rút tiền mặt/mua hàng hóa: 24.190.412 đồng. Số tiền giao dịch còn lại chưa thanh toán là 38.359.980 đồng.

Nhiều kỳ ông B không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng buộc phải chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B, thu hồi toàn bộ dư nợ và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% đối với toàn bộ dư nợ. Thời gian chuyển nợ quá hạn đối với Thẻ Visa Platinum Cashback là ngày 06/01/2024, toàn bộ dư nợ chuyển quá hạn là 38.359.980 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp, yêu cầu ông B có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông B trả nợ nhưng ông B vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau: Buộc ông Nguyễn Công B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2024 là 53.498.370 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc 38.359.980 đồng, lãi quá hạn 15.138.390 đồng. Ông Nguyễn Công B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/11/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Công B trình bày ý kiến tại Bản tự khai như sau: Ông B và Ngân hàng có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân vào ngày 23/02/2023 với số tiền vay là 30.000.000 đồng. Ông B đã được giải

ngân đủ số tiền trên và đã trả được một số tiền nhưng thời điểm trả và cụ thể số tiền bao nhiêu thì ông B không nhớ rõ. Do hiện nay ông B đang rất khó khăn nên ông đề nghị Ngân hàng cho ông miễn toàn bộ tiền lãi, còn số tiền nợ gốc ông sẽ trả dần 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Tuy nhiên, Ngân hàng không đồng ý với phương án trả nợ của ông Nguyễn Công B, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ còn lại của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 23/02/2023 tính đến ngày 18/11/2024 là 50.116.043 đồng bao gồm nợ gốc là 32.128.905 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.240.307 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.669.070 đồng, phí trễ hạn là 1.649.176 đồng, phí vượt hạn mức là 428.585 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong khoản tiền trên, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Không chấp nhận đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu là 3.382.327 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.505.802 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Công B, là tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông B có nơi cư trú tại quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được đã tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét tính hợp pháp của hợp đồng thẻ tín dụng:

[3] Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-1870 Ngân hàng cấp cho ông B về hình thức phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 07/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. Nội dung của Hợp đồng có đầy đủ các điều khoản quy định tại Điều 13 của Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 07/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. Như vậy, hợp đồng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[4] Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên: Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Công B đã sử dụng tổng số tiền là 62.550.392 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 33.062.910 đồng, thứ tự thanh toán theo điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi; giao dịch rút tiền mặt; giao dịch mua hàng hóa. Như vậy, ông B được trừ thanh toán cụ thể như sau: Lãi trong hạn: 5.695.737 đồng; phí: 3.176.761 đồng; rút tiền mặt/mua hàng hóa: 24.190.412 đồng. Số tiền giao dịch còn lại chưa thanh toán là 38.359.980 đồng.

[5] Kiểm sát viên cho rằng Ngân hàng đã tính lãi trong hạn trên dư nợ cuối kỳ B số tiền nợ gốc cộng với phí trễ hạn, phí, phí vượt hạn mức, lãi là đã có phần lãi chồng lãi, vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN

ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN thì: “c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn” nhưng Ngân hàng đã tính số tiền lãi quá hạn dựa trên dư nợ là 38.395.980 đồng bao gồm số tiền gốc, phí trễ hạn, lãi trong hạn và phí vượt hạn mức là có phần lãi chồng lãi. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/11/2024 là 50.116.043 đồng, bao gồm nợ gốc là 32.128.905 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.240.307 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.669.070 đồng, phí trễ hạn là 1.649.176 đồng, phí vượt hạn mức là 428.585 đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 1.10 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng quy định: “Dư nợ: là số tiền mà chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ”. Việc vượt quá hạn mức sử dụng thẻ được quy định tại Điều 17 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng: “Hạn mức được Sacombank thông báo B văn bản đính kèm theo Thẻ khi giao Thẻ mới cho chủ thẻ. Khi Chủ thẻ được tăng/giảm hạn mức, Sacombank sẽ thông báo B tin nhắn hoặc các hình thức khác theo quy định từng thời kỳ. Chủ thẻ phải theo dõi và thực hiện các biện pháp cần thiết để dư nợ không vượt hạn mức vào bất cứ thời điểm nào. Trong trường hợp Sacombank phê duyệt giao dịch phát sinh của chủ thẻ khi không có đủ hạn mức, chủ thẻ đồng ý và có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch, tiền phí hoặc các khoản tiền khác phát sinh do vượt quá hạn mức. Sacombank có thể yêu cầu thanh toán ngay lập tức số tiền vượt hạn mức hoặc toàn bộ dư nợ”.

[7] Trong quá trình sử dụng thẻ, nhiều kỳ ông B không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo điểm 1.24 bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng quy định: “Lãi suất: là mức lãi suất mà Sacombank áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành Thẻ bao gồm: Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được Sacombank công bố theo Biểu phí trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa B 150% lãi suất trong hạn.” Do vậy, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B, thu hồi toàn bộ dư nợ là 38.359.980 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% đối với toàn bộ dư nợ từ ngày 06/01/2024 là đúng thỏa thuận của hai bên.

[8] Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn

Công B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2024 là 53.498.370 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc 38.359.980 đồng, lãi quá hạn 15.138.390 đồng.

[9] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Công B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí:

[10] Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 53.498.370 đồng x 5% = 2.675.000 đồng (làm tròn). Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Về quyền kháng cáo:

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117; 119; 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 13; điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 07/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Điều 8; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Ông Nguyễn Công B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày 18/11/2024 tổng số tiền là 53.498.370 (*Năm mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 38.359.980 (*Ba mươi tám triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi*) đồng, lãi quá hạn là 15.138.390 (*Mười lăm triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi*) đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ký ngày 23/02/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Công B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Công B phải nộp 2.675.000 (*Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.184.000 (*Một triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003069 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Công B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hảo**